

Số: *M* /2018/QĐ-UBND

Bạc Liêu, ngày *19* tháng *3* năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt phương án giá tiêu thụ nước sạch do Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu sản xuất, kinh doanh trên địa bàn thành phố Bạc Liêu

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá; Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch; Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2011 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 117/2007/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 75/2012/TTLT-BTC-BXD-BNN ngày 15 tháng 5 năm 2012 của Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn nguyên tắc, phương pháp xác định và thẩm quyền quyết định giá tiêu thụ nước sạch tại các đô thị, khu công nghiệp và khu vực nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 01/2008/TT-BXD ngày 02 tháng 01 năm 2008 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Thông tư số 88/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 5 năm 2012 của Bộ Tài chính về việc ban hành khung giá tiêu thụ nước sạch sinh hoạt;

Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP; Thông tư số 233/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2014/TT-BTC;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 14/TTr-STC ngày 15 tháng 01 năm 2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án giá tiêu thụ nước sạch do Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu sản xuất, kinh doanh trên địa bàn thành phố Bạc Liêu theo Bảng giá tiêu thụ nước sạch cho từng đối tượng sử dụng, cụ thể như sau:



| Mục | ĐỐI TƯỢNG SỬ DỤNG NƯỚC | Đơn giá (Đồng/m ³) |
|------------|---|-----------------------------------|
| I | Nước sinh hoạt | |
| 1 | Hộ nghèo và hộ cận nghèo | |
| a | Đến 10m ³ đầu tiên | 4.270 |
| b | Trên 10m ³ đến 20m ³ | 6.600 |
| c | Trên 20m ³ trở lên | 7.920 |
| 2 | Hộ dân cư | |
| a | Đến 10m ³ đầu tiên | 6.600 |
| b | Trên 10m ³ đến 20m ³ | 7.920 |
| c | Trên 20m ³ trở lên | 8.440 |
| II | Phục vụ công cộng | 7.920 |
| III | Cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp | 8.440 |
| IV | Hoạt động sản xuất vật chất | 9.500 |
| V | Kinh doanh dịch vụ | 11.180 |
| | Giá tiêu thụ nước sạch bình quân | 7.920 |

Mức giá quy định trên đã bao gồm thuế Tài nguyên, thuế Giá trị gia tăng (VAT); chưa bao gồm phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt theo quy định.

Điều 2. Quy định về điều kiện áp dụng:

1. Đối với hộ nghèo phải có sổ hộ nghèo; hộ cận nghèo phải có xác nhận của cấp thẩm quyền quản lý theo đúng quy định, đơn giá quy định tại Mục I.1 (Bảng giá tiêu thụ nước sạch sinh hoạt cho từng đối tượng sử dụng).

2. Các hộ gia đình chỉ sử dụng nước cho nhu cầu sinh hoạt thì tùy theo khối lượng nước sử dụng có đơn giá khác nhau quy định tại Mục I.2 (Bảng giá tiêu thụ nước sạch sinh hoạt cho từng đối tượng sử dụng).

Trường hợp dùng chung một đồng hồ nước, nhưng sử dụng nước cho nhiều mục đích khác nhau thì áp dụng đơn giá tiêu thụ nước sạch như sau:

- Đối với hộ sản xuất hoặc kinh doanh dịch vụ thì sử dụng đến 30m³ tính theo giá nước sinh hoạt hộ dân cư; phần vượt trên 30m³ thì áp dụng đơn giá tính cho các đối tượng sử dụng khác nhau quy định tại Mục IV và V (Bảng giá tiêu thụ nước sạch sinh hoạt cho từng đối tượng sử dụng);

- Đối với hộ kinh doanh phòng trọ, khách sạn thì sử dụng đến 30m³ tính theo giá nước sinh hoạt hộ dân cư; phần vượt trên 30m³ thì áp dụng đơn giá tính theo đối tượng sử dụng nước kinh doanh dịch vụ quy định tại Mục V (Bảng giá tiêu thụ nước sạch sinh hoạt cho từng đối tượng sử dụng).

3. Trường hợp bán sỉ cho khách hàng có số lượng nước tiêu thụ lớn, bán qua đồng hồ tổng (để bán lại cho các đối tượng tiêu dùng lẻ). Công ty được phép định giá bán thấp hơn (chiết khấu cho khách hàng), để đảm bảo giá tiêu thụ nước sinh hoạt bán lẻ không được vượt đơn giá nước tiêu thụ theo Bảng giá nước sạch sinh hoạt cho từng đối tượng sử dụng. Trường hợp hai bên không thống nhất được mức giá thì gửi Hồ sơ đến Sở Tài chính để tổ chức hiệp thương giá theo quy định hiện hành.

4. Về chất lượng nước sạch: Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu phải đảm bảo theo các quy chuẩn kỹ thuật cho nước sinh hoạt đô thị do Bộ Y tế quy định tại thời điểm cung cấp.

Điều 3. Thời gian áp dụng: Kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2018 (kỳ ghi thu tiền nước tháng 05 năm 2018 trở đi).

Giao Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu chịu trách nhiệm thông báo thông báo rộng rãi đến các khách hàng đang sử dụng nước được biết và xử lý các mối quan hệ có liên quan theo quy định về hợp đồng kinh tế hiện hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Bạc Liêu; Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu và Thủ trưởng các ngành chức năng có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 04 năm 2018 và thay thế cho Quyết định số 14/QĐ-UBND ngày 11 tháng 6 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục KTVBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Văn phòng HĐND tỉnh;
- Sở Tư pháp (để tự kiểm tra, rà soát);
- Các Phó CVP UBND tỉnh;
- TT Công báo - Tin học;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Trưởng phòng TH; *mu*
- Lưu: VT, HY (QĐUB01).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH *Mei*



hucle
Lê Minh Chiến